TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 257/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 9 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:* Ông Phạm Xuân Long - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1998, nơi ĐKHKTT: Xóm , xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ hiện tại: Thôn K, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Đức T, sinh năm 1998, địa chỉ: Xóm , xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 5 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Đức T qua tìm hiểu, tự nguyện yêu thương, lấy nhau có tổ chức cưới theo phong tục và làm đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào ngày 11/10/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chỉ chung sống H thuận, hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân

là do vợ chồng tính cách không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và vấn đề công việc của hai bên vợ chồng (chị H muốn anh T thay đổi công việc, không đi sớm về khuya nữa) để vợ chồng có nhiều thời gian chăm sóc con, nhưng anh T không nghe, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã và làm ảnh hưởng tâm lý của chị. Từ tháng 12/2021 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, nên chị đã bế con về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống, vợ chồng ly thân đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Lê Đức Minh Q, sinh ngày 15/3/2020, hiện tại con đang ở với chị. Ly hôn, quan điểm của chị H là xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng. Lý do: Chị hiện tại đang làm việc tại Tiệm cắt tỉa lông chó mèo Pethous với thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc tốt cho con. Ngoài ra chị H trình bày hiện tại chị đang mang thai con thứ 2 được 23 tuần tuổi, đây là con chung của vợ chồng, nhưng do con chưa sinh ra nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22 tháng 7 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Lê Đức T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H qua tìm hiểu, tự nguyện yêu thương, lấy nhau có tổ chức cưới hỏi theo phong tục và làm đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào ngày 11/10/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống H thuận hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong sinh hoạt, anh phải đi làm sớm về khuya do yếu tố công việc, nhưng chị H không thông cảm chia sẻ mà thể hiện việc khó chịu, nên giữa vợ chồng có hay xảy ra cãi vã nhau. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh đang còn yêu thương vợ, nhưng nếu chị H vẫn cương quyết đòi ly hôn, thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Lê Đức Minh Q, sinh ngày 15/3/2020, hiện tại con đang ở với chị H. Ngoài ra anh T xác định hiện tại chị H đang có thai, nên anh muốn đợi sau khi chị H sinh con, vợ chồng sẽ đề nghị Tòa giải quyết ly hôn và con chung. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, quan điểm của anh T là xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng. Lý do: Anh hiện tại đang làm đầu bếp, nấu ăn cho của hàng của Công ty TNHH dịch vụ Thanh Hóa, có thu nhập ổn định, đủ các điều kiện để chăm sóc, nuôi con tốt hơn chị H. Tại phiên tòa anh T có ý kiến xác định hiện tại chị H đang mang thai và đây là con chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Về tài sản và công nợ: Anh T xác định là vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 17/8/2022, đại diện Ủy ban nhân xã B cho biết: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đức T có đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào ngày 11/10/2019. Hiện vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Đức Minh Q, sinh

ngày 15/3/2020; còn việc hiện tại chị H đang có thai hay không, địa phương không nắm bắt được. Qúa trình vợ chồng chung sống với nhau dẫn đến phát sinh mâu thuẫn như thế nào, địa phương không nắm bắt được.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền; xác định tư cách tố tụng; xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ; việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và H giải; việc chuyển giao, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, tuy nhiên có vi phạm quy định trong việc xử lý đơn khởi kiện (chậm ra thông báo cho người khởi kiện nộp tiền tạm ứng án phí).

+ Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 271, 273, 278 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lê Đức T. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Đức Minh Q, sinh ngày 15/3/2020 cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh Lê Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Anh Lê Đức T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản: Không xem xét. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Lê Đức T, cư trú tại: Xóm , xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên có vi phạm trong việc xử lý đơn khởi kiện, đó là: Chậm ra Thông báo nộp tạm ứng án phí, cụ thể: Tòa án nhận hồ sơ khởi kiện ngày 31/5/2022, người khởi kiện (chị Nguyễn Thị H) có lựa

chọn H giải và H giải viên, do đó Tòa án đã chuyển vụ việc sang H giải theo quy định. Qúa trình H giải viên T hành H giải theo quy định, thì ngày 10/6/2022 chị H có đơn đề nghị chấm dứt H giải, nên H giải viên đã lập Biên bản chấp dứt việc H giải và chuyển vụ việc sang Tòa án giải quyết. Đến ngày 23/6/2022 Tòa án ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, là chậm so với quy định tại khoản 1 Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã T hành thu thập chứng cứ, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đức T tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/10/2019, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng H thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, từ đầu năm 2022 thì tình cảm giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình và vấn đề công việc của hai bên vợ chồng, nên giữa vợ chồng đã không còn có sự tin tưởng, tôn trọng, chia sẻ với nhau mà thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Từ đầu năm 2022 vợ chồng đã sống ly thân đến nay. Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức H giải nhiều lần, nhưng chị H vẫn một mực đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn; Còn anh T có ý kiến thể hiện quan điểm, là anh đang còn thương yêu vợ, nhưng nếu chị H vẫn cương quyết đòi ly hôn, thì anh đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị H, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lê Đức T.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đức T đều xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Lê Đức Minh Q, sinh ngày 15/3/2020.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con chung của chị H và anh T, thấy rằng: Chị H và anh T đều có công việc, thu nhập ổn định, đủ các điều kiện để được trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên, xét con chung là cháu Minh Q hiện đang ở ổn định với chị H, được chị H chăm sóc nuôi dưỡng tốt và cháu hiện tại đang còn nhỏ (ở độ tuổi dưới 36 tháng tuổi), nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cần thiết giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H khẳng định có đủ điều kiện để nuôi con và có ý kiến không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là sự tự nguyện của chị H và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận. Do đo, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với ý kiến của chị H và anh T về việc hiện tại chị H đang mang thai (thai 23 tuần tuổi), Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật hôn nhân gia đình quy định: “Con sinh ra trong thời ky hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng”. Do đó, ghi nhận trong thời kỳ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đức T, hiện tại chị

Nguyễn Thị H đang mang thai (thai 23 tuần tuổi). Trường hợp sau khi con sinh ra (còn sống), nếu chị H, anh T có tranh chấp về việc xác định con chung, thì các bên có quyền đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đức T đều có ý kiến xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Vê quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lê Đức T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đức T có 01 (một) con chung là cháu Lê Đức Minh Q, sinh ngày 15/3/2020.

Giao con chung là cháu Lê Đức Minh Q cho chị Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh Lê Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Đức T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Ghi nhận trong thời kỳ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đức T, hiện tại chị Nguyễn Thị H đang mang thai (thai 23 tuần tuổi). Trường hợp sau khi con sinh ra (còn sống), nếu chị Nguyễn Thị H và anh Lê ĐứcTiến có tranh chấp về việc xác định con chung, thì các bên có quyền đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản và công nợ: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0014308 ngày 01/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Như vậy, chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Minh T